



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05542/2025/PKQ/25.3504

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Loại mẫu: Nước sinh hoạt
Ngày nhận mẫu: 08/09/2025
Thời gian thử nghiệm: 08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả						QCVN 01-1:2024 /BYT
				250908. NSH.055	250908. NSH.056	250908. NSH.057	250908. NSH.058	250908. NSH.059	250908. NSH.060	
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl-F:2023	0,63	0,64	0,62	0,62	0,59	0,55	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	6,8	7,0	7,0	7,0	7,0	7,0	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH3 F:2023	<0,03	<0,03	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	<0,03	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

10	Chỉ số Permanganat(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,83	0,83	0,77	0,7	0,7	0,83	2
11	Mangan (Mn)(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,04	0,04	0,03	0,04	0,04	0,1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.055: Sau bơm 2;
- 250908.NSH.056: Số 23 Bà Triệu;
- 250908.NSH.057: Số 8 Trần Quốc Toản;
- 250908.NSH.058: 61 Hàng Trống;
- 250908.NSH.059: Bệnh viện phụ sản Trung Ương;
- 250908.NSH.060: UBND Phường Cửa Nam số 126 Hàng Trống;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vimcerts 306

VLAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05543/2025/PKQ/25.3504

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Địa chỉ

Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Loại mẫu

Nước sinh hoạt

Ngày nhận mẫu

08/09/2025

Thời gian thử nghiệm

08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả						QCVN 01-1:2024/ BYT
				250908. NSH.061	250908. NSH.062	250908. NSH.063	250908. NSH.064	250908. NSH.065	250908. NSH.066	
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl-F:2023	0,56	0,57	0,58	0,59	0,54	0,55	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	7,1	7,0	7,0	7,0	7,0	7,0	6 ÷ 8,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N ^(*))	mg/L	SMEWW 4500-NH3 F:2023	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	<0,03	1
10	Chỉ số Permanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,77	0,7	0,7	0,64	0,64	0,7	2
11	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,04	0,03	0,03	0,04	0,04	0,1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.061: 180 Trần Quang Khải;
- 250908.NSH.062: Trường Mầm Non 20-10;
- 250908.NSH.063: Trường PTTH Việt Đức;
- 250908.NSH.064: 7 Lý Đạo Thành;
- 250908.NSH.065: 22 Trảng Tiền;
- 250908.NSH.066: 27 Trần Hưng Đạo;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH



KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

PHÓ VIỆN TRƯỞNG


Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vimcerts 306

VLAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05544/2025/PKQ/25.3504

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Địa chỉ

Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Loại mẫu

Nước sinh hoạt

Ngày nhận mẫu

08/09/2025

Thời gian thử nghiệm

08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả						QCVN 01- 1:2024/ BYT
				250908. NSH.067	250908. NSH.068	250908. NSH.069	250908. NSH.070	250908. NSH.071	250908. NSH.072	
1	Coliform ^(*)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	<0,003	0,00323	0,00308	<0,003	0,00341	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl- F:2023	0,56	0,57	0,56	0,57	0,57	0,56	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	KPH (LOD=0,2)	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	7,1	7,1	7,0	7,0	7,0	7,0	6 ÷ 8,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N ^(*))	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2023	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	1
10	Chỉ số Permanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,83	0,89	0,77	0,96	0,89	0,89	2
11	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,04	0,04	0,04	0,04	0,03	0,08	0,1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.067: Số 24D Trần Hưng Đạo;
- 250908.NSH.068: 15 Gầm Cầu;
- 250908.NSH.069: Nhà trẻ 31 Nhà Chung;
- 250908.NSH.070: 26 Hàng Gà;
- 250908.NSH.071: Trường ĐHKHTN- 19 Lê Thánh Tông;
- 250908.NSH.072: Số 1C Đặng Thái Thân;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Địa chỉ

Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Loại mẫu

Nước sinh hoạt

Ngày nhận mẫu

08/09/2025

Thời gian thử nghiệm

08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả						QCVN 01-1:2024/ BYT
				250908. NSH.073	250908. NSH.074	250908. NSH.075	250908. NSH.076	250908. NSH.077	250908. NSH.078	
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	0,00320	0,00318	0,00326	0,00313	<0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl-F:2023	0,57	0,58	0,57	0,57	0,57	0,58	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	6,9	7,0	7,0	7,0	7,0	7,0	6 ÷ 8,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N ^(*))	mg/L	SMEWW 4500-NH3 F:2023	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	<0,03	<0,03	KPH (LOD=0,01)	1
10	Chỉ số Permanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,96	0,77	0,77	0,7	0,7	0,64	2
11	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,06	0,06	0,06	0,06	0,05	0,1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.073: 23 Trần Hưng Đạo;
- 250908.NSH.074: 61 Hàng Trống;
- 250908.NSH.075: 3 Trần Nguyên Hãn;
- 250908.NSH.076: 10 Hàm Long;
- 250908.NSH.077: 15 Trần Bình Trọng;
- 250908.NSH.078: 52 Thợ Nhuộm;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH



KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: 616-25 Khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hotline: 0866992688

Email: info@etohi.vn

ISO/IEC 17025:2017:10559 Vimcerts 306

VLAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05546/2025/PKQ/25.3504

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Loại mẫu: Nước sinh hoạt
Ngày nhận mẫu: 08/09/2025
Thời gian thử nghiệm: 08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 01- 1:2024/ BYT
				250908. NSH.079	
1	Coliform ^(*)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,00312	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl- F:2023	0,58	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	7,0	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH3 F:2023	<0,03	1
10	Chỉ số Permanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,77	2
11	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,09	0,1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.079: 74 Quán Sứ;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huệ

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hotline: 0806992688

Email: info@etohi.vn

ISO/IEC 17025:2017:10559 Vimcerts 306



VLAT 1.0559

ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05548/2025/PKQ/25.3509

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Địa chỉ

Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Loại mẫu

Nước sinh hoạt

Ngày nhận mẫu

08/09/2025

Thời gian thử nghiệm

08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả						QCVN 01-1:2024/ BYT
				250908. NSH.108	250908. NSH.109	250908. NSH.110	250908. NSH.111	250908. NSH.112	250908. NSH.113	
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl-F:2023	0,59	0,53	0,52	0,52	0,52	0,51	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	7,0	7,0	7,0	7,0	7,0	7,0	6 ÷ 8,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH3 F:2023	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,03	1
10	Chỉ số Permanganat(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,89	0,96	0,89	0,83	0,77	0,7	2
11	Mangan (Mn)(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,04	0,04	0,03	0,04	0,03	0,04	0,1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.108: 6A Quang Trung;
- 250908.NSH.109: 25 Nguyễn Gia Thiều;
- 250908.NSH.110: 9 Hàng Chai;
- 250908.NSH.111: 48 Hai Bà Trưng;
- 250908.NSH.112: 44 Lê Thái Tổ;
- 250908.NSH.113: 28 Phùng Hưng;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hotline: 0866992688

Email: info@etohi.vn

ISO/IEC 17025:2017:10559 Vimcerts 306

VLAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05549/2025/PKQ/25.3509

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Địa chỉ

Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Loại mẫu

Nước sinh hoạt

Ngày nhận mẫu

08/09/2025

Thời gian thử nghiệm

08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả						QCVN 01-1:2024/ BYT
				250908. NSH.114	250908. NSH.115	250908. NSH.116	250908. NSH.117	250908. NSH.118	250908. NSH.119	
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl-F:2023	0,51	0,52	0,53	0,53	0,54	0,56	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	6,9	7,0	7,0	7,0	7,0	7,2	6 ÷ 8,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH3 F:2023	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	1
10	Chỉ số Permanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,83	0,89	0,77	0,7	0,83	0,89	2
11	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.114: 57 Hàng Bồ;
- 250908.NSH.115: 27 Hàng Cót;
- 250908.NSH.116: 37 Hàng Vải;
- 250908.NSH.117: 2 Yên Thái;
- 250908.NSH.118: Ngõ 2 Hàm Long;
- 250908.NSH.119: 23 Gầm Cầu;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

PHÒNG VIỆN TRƯỞNG


Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vmcerts 306

VLAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05550/2025/PKQ/25.3509

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Loại mẫu: Nước sinh hoạt
Ngày nhận mẫu: 08/09/2025
Thời gian thử nghiệm: 08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả						QCVN 01-1:2024 /BYT
				250908. NSH.120	250908. NSH.121	250908. NSH.122	250908. NSH.123	250908. NSH.124	250908. NSH.125	
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl- F:2023	0,57	0,58	0,57	0,58	0,77	0,59	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	7,1	7,0	7,0	7,0	7,0	7,0	6 ÷ 8,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

9	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F:2023	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	1
10	Chỉ số Permanganat(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,83	0,89	0,83	0,77	0,7	0,64	2
11	Mangan (Mn)(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.120: 23 Phan Bội Châu;
- 250908.NSH.121: 25 Tạm Thương;
- 250908.NSH.122: 6 Chân Cầm;
- 250908.NSH.123: 20 Hàng Hành;
- 250908.NSH.124: 07 Mã Mây;
- 250908.NSH.125: 11 Hàng Dầu;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

PHÓ VIỆN TRƯỞNG


Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vimcerts 306

VLAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05551/2025/PKQ/25.3509

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI

Địa chỉ

Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội

Loại mẫu

Nước sinh hoạt

Ngày nhận mẫu

08/09/2025

Thời gian thử nghiệm

08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả						QCVN 01-1:2024/ BYT
				250908. NSH.126	250908. NSH.127	250908. NSH.128	250908. NSH.129	250908. NSH.130	250908. NSH.131	
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1	<1	<1	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl-F:2023	0,61	0,59	0,57	0,59	0,55	0,56	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	7,0	7,0	7,0	7,2	7,0	6,8	6 ÷ 8,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

9	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH3 F:2023	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	<0,03	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	1
10	Chỉ số Permanganat(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,7	0,83	0,9	0,83	0,77	0,77	2
11	Mangan (Mn)(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	0,04	0,03	0,04	0,04	0,04	0,1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.126: 199 Hàng Bông;
- 250908.NSH.127: 8 Hàng Rươi;
- 250908.NSH.128: 1 Trần Phú;
- 250908.NSH.129: 87 Mã Mây;
- 250908.NSH.130: 33 Đường Thành;
- 250908.NSH.131: 96 Hai Bà Trưng;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH



KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: 616-25 Khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 086 699 2638 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

VLAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05552/2025/PKQ/25.3509

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Loại mẫu: Nước sinh hoạt
Ngày nhận mẫu: 08/09/2025
Thời gian thử nghiệm: 08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
				250908.NSH.132	
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl-F:2023	0,57	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	7,0	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH3 F:2023	KPH (LOD=0,01)	1
10	Chỉ số Permanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,77	2
11	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,04	0,1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.132: 691 Bạch Đằng;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 khu C KĐT mới Geleximco, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vimcerts 306

VLAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05547/2025/PKQ/25.3511

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 8C Đình Công Tráng, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Loại mẫu: Nước sinh hoạt
Ngày nhận mẫu: 08/09/2025
Thời gian thử nghiệm: 08/09/2025 - 19/09/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 01-1:2024/BYT
				250908.NSH.133	250908.NSH.134	
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1	<1	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,00507	KPH (LOD = 0,001)	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl- F:2023	0,6	0,53	0,2 - 1
5	Độ đục ⁽⁺⁾	NTU	SMEWW 2130B:2023	<0,60	<0,60	2
6	Màu sắc ⁽⁺⁾	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
7	Mùi ⁽⁺⁾	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8	pH ⁽⁺⁾	-	TCVN 6492:2011	7,0	6,9	6 ÷ 8,5
9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH3 F:2023	KPH (LOD = 0,01)	KPH (LOD = 0,01)	1
10	Chỉ số Permanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,89	0,7	2
11	Clorua (Cl ⁻) ^(*)	mg/L	TCVN 6194:1996	28,5	7,13	250
12	Độ cứng tính theo CaCO ₃ ^(*)	mg/L	SMEWW 2340C:2023	208,9	67,3	300

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

13	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,06	0,06	0,1
14	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 6180 :1996	1,45	0,6	11
15	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW4500 NO2-B:2023	KPH (LOD = 0,0015)	KPH (LOD = 0,0015)	0,9
16	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B-2023	<0,05	KPH (LOD = 0,015)	0,3
17	Sunphat (SO ₄ ²⁻) ^(*)	mg/L	EPA- Method-375.4:1978	15,12	<10	250

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250908.NSH.133 - NSH: Trước lọc 53 Phan Đình Phùng;
- 250908.NSH.134: Sau lọc 53 Phan Đình Phùng;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025

PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.